

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/01/2019

V/v “Ly hôn giữa chị M và anh Ngh”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH BẮC GIANG

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Anh Dũng
2. Ông Nguyễn Quốc Sửu

- Thư ký phiên toà: bà Dương Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 298/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1989 (xin vắng mặt)

- Bị đơn: anh Đoàn Bá Ngh, sinh năm 1981 (xin vắng mặt)

Đều cư trú: thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 08 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị và anh Ngh kết hôn ngày 29/10/2009, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về làm dâu nhà anh Ngh ngay, khoảng 5 tháng sau vợ chồng chị ra ở riêng tại thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2016 chị và anh Ngh xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không còn tình cảm, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Do mâu thuẫn quá trầm trọng nên từ tháng 02 năm 2016 cho đến nay chị và anh Ngh sống ly thân, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh Ngh không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh Ngh.

Về con chung: vợ chồng chị có 02 con chung là Đoàn Thị Ph, sinh ngày

16/01/2011 và Đoàn Thị Kiều A, sinh ngày 19/5/2014. Hiện nay cả 02 con chung đang ở với anh Ngh. Ly hôn chị xin được nuôi con chung là Đoàn Thị Kiều A, sinh ngày 19/5/2014, anh Ngh tiếp tục nuôi con chung là Đoàn Thị Ph, sinh ngày 16/01/2011. Chị và anh Ngh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị và anh Ngh không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị M có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai đề ngày 13 tháng 12 năm 2018 và biên bản ghi lời khai ngày 13 tháng 12 năm 2018, bị đơn anh Đoàn Bá Ngh trình bày:

Anh thừa nhận về thời gian kết hôn, quá trình sống chung như chị M trình bày là đúng. Vợ chồng anh bắt đầu xảy ra mâu thuẫn từ năm 2016 do vợ chồng không còn tình cảm, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Do mâu thuẫn quá trầm trọng nên từ tháng 02 năm 2016 cho đến nay anh và chị M sống ly thân, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị M không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn chị M.

Về con chung: anh Ngh xác nhận vợ chồng anh có 02 con chung là Đoàn Thị Ph, sinh ngày 16/01/2011 và Đoàn Thị Kiều A, sinh ngày 19/5/2014. Hiện nay cả hai con chung đều đang ở với anh. Ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung, anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh Ngh xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: anh Ngh có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS; HĐXX đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đủ, đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn có ý thức chấp hành các quy định của BLTTDS, bị đơn chưa có ý thức chấp hành các quy định của BLTTDS. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M, xử:

Chị M được ly hôn anh Ngh;

Con chung: giao cho chị M nuôi dưỡng con chung là Đoàn Thị Kiều A, sinh ngày 19/5/2014, anh Ngh nuôi dưỡng con chung là Đoàn Thị Ph, sinh ngày 16/01/2011.

Về án phí: chị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: ngày 11 tháng 12 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị M với bị đơn là anh Đoàn Bá Ngh, sinh năm 1981, nơi cư trú: thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về việc xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị M, anh Đoàn Bá Ngh: tại phiên tòa chị Nguyễn Thị M và anh Đoàn Bá Ngh đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị M, anh Ngh là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét các yêu cầu của nguyên đơn thấy:

[3] Về tình cảm vợ chồng: chị Nguyễn Thị M và anh Đoàn Bá Ngh kết hôn ngày 29/10/2009, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Tình cảm vợ chồng ban đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2016 chị M và anh Ngh xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không còn tình cảm, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Do mâu thuẫn quá trầm trọng nên từ tháng 02 năm 2016 cho đến nay chị M và anh Ngh sống ly thân, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Nay chị M xác định tình cảm giữa chị và anh Ngh không còn, không thể tiếp tục chung sống cuộc sống hôn nhân lâu dài nên chị M có đơn xin ly hôn anh Ngh, anh Ngh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và anh cũng đồng ý ly hôn. Mặt khác, quá trình làm việc với đại diện chính quyền địa phương là ông Nguyễn Văn T1 - trưởng thôn T, xã S, bà Nguyễn Thị M1 - Chi hội trưởng chi hội phụ nữ thôn T, xã S và ông Đoàn Bá L, sinh năm 1955, trú tại thôn T, xã S là bố đẻ anh Ngh thì thấy hiện mâu thuẫn giữa chị M và anh Ngh đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và rất khó có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, HĐXX thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị M được ly hôn với anh Ngh.

[4] Về con chung: chị M và anh Ngh có 02 con chung là Đoàn Thị Ph, sinh ngày 16/01/2011 và Đoàn Thị Kiều A, sinh ngày 19/5/2014. Hiện nay anh Ngh đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Đoàn Thị Ph, sinh ngày 16/01/2011, Đoàn Thị Kiều A, sinh ngày 19/5/2014. Quá trình làm việc với chính quyền địa phương thì thấy hiện con chung của chị M, anh Ngh đều đang phát triển bình thường. Chị Mai và anh Ngh đều có công ăn việc làm và có thu nhập. Trong quá trình giải quyết vụ án, con chung của chị M, anh Ngh là cháu Đoàn Thị Ph sinh ngày 16/01/2011 có nguyện vọng được ở với bố là anh Đoàn Bá Ngh. Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị M, giao cho chị M nuôi dưỡng con chung là Đoàn Thị Kiều A, sinh ngày 19/5/2014; giao cho anh Ngh nuôi dưỡng con chung là Đoàn Thị Ph sinh ngày 16/01/2011. Về cấp dưỡng nuôi

con, các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị M và anh Ngh đều xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Đoàn Bá Ngh.

2. Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đoàn Thị Kiều A, sinh ngày 19/5/2014, anh Đoàn Bá Ngh trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đoàn Thị Ph sinh ngày 16/01/2011. Chị Mai và anh Ngh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, chị M, anh Ngh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002225 ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát T;
- Chi cục T.H.A T;
- Các đương sự;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Tư Duy